

Bản án số: 223/2023/HS-PT
Ngày: 20-12-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Nam Tiến

Các Thẩm phán:

Bà Lê Thu Hương

Ông Phạm Trường Du

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Tài - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa:** Bà Cù Thị Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 12 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 292/2023/TLPT-HS ngày 02 tháng 11 năm 2023 đối với bị cáo Bùi Trí T, do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 86/2023/HS-ST ngày 27 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

- **Bị cáo có kháng cáo:**

Bùi Trí T, sinh ngày 24/4/1988 tại xã L, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú: Thôn 6, xã L, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: lớp 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Trí T1 (đã chết) và bà Trương Thị V; có vợ là Lê Thị T2 và 02 con; tiền án: không; tiền sự: không; bị tạm giữ từ ngày 27/3/2023 đến ngày 04/4/2023 được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; bị cáo tại ngoại; có mặt.

- **Các bị cáo không kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị (không triệu tập đến phiên tòa):** Bùi Trí P, Nguyễn Hữu B, Mai Tuấn A, Quách Văn Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Chị Triệu Thị T3 sinh năm 2007, trú tại thôn T, xã T, huyện N là nhân viên phục vụ tại các quán Karaoke trên địa bàn huyện T và anh Vũ Minh T4 sinh ngày 21/12/2005, trú tại thôn 6, xã H, huyện V có quan hệ tình cảm nam nữ, là người yêu của nhau. Sáng ngày 08/3/2023, khi chị T3 đang ở nhà trọ tại khu phố 4, thị trấn K, huyện T thì anh T4 gọi điện thoại đến rủ chị T3 đi chơi, chị T3 đồng ý và nói anh T4 đến nhà trọ đón chị T3. Sau đó, anh T4 điều khiển xe mô tô chở theo

bạn của anh T4 là chị Đồng Thị Huyền T5, sinh năm 2007, trú tại xã Đ, huyện Y ngồi phía sau, cùng đi đến nhà trọ của chị T3 để đón chị T3 đi chơi.

Khoảng 08 giờ 00 phút cùng ngày, anh T4 đi đến trước cổng nhà trọ của chị T3 thì gặp Bùi Trí P, sinh năm 1996, trú tại thôn 6, xã L, huyện T và Quách Văn Đ sinh năm 2002, trú tại thôn 5, xã L (cùng là quản lý, đưa đón chị T3 và các nữ nhân viên khác phục vụ tại các quán Karaoke trên địa bàn huyện), tại nhà trọ thời điểm này còn có một số nữ nhân viên khác đang ở tại đây. Khi gặp anh T4, do nghi ngờ anh T4 đến để dụ dỗ chị T3 đi làm nhân viên quán hát Karaoke ở huyện V nên P đã bảo anh T4 đi vào trong nhà trọ để nói chuyện, còn T5 đứng ngoài cổng chờ. Sau khi anh T4 đi vào bên trong cổng ngõ, đứng ở gian bán bình trước nhà, P bảo Đ ra khóa cửa cổng lại, đồng thời gọi điện thoại cho Nguyễn Hữu B sinh năm 1990, trú tại thôn Y, xã T nói về việc anh T4 đến và có ý định lừa chị T3 đi làm nhân viên quán hát dưới huyện V và bảo B đến xem để giải quyết. Lúc này, B đang ở nhà trọ của Mai Tuấn A sinh năm 2001 trú tại khu 7 T, thị trấn K cùng với Trịnh Gia B1 sinh ngày 24/7/2007, Đỗ Thành T6 sinh năm 2002, trú tại thôn M, xã M, huyện N. Nghe điện thoại xong B nói B1 đi cùng B xuống nhà trọ của P để xem thế nào. Sau đó, B và B1 đi một xe mô tô, Tuấn A và T6 đi một xe, cùng đi đến khu nhà trọ của P. Sau khi được Đ mở cửa cổng, B cùng những người còn lại đi vào bên trong, nhìn thấy P và anh T4 đang nói chuyện tại gian bán bình, B lao vào dùng tay, chân đánh anh T4, dùng tay túm tóc anh T4 kéo vào bên trong gian phòng khách, còn Đ đi đóng cửa cổng bên ngoài, kéo đóng cửa xếp bằng kim loại tại gian bán bình và dùng khoá để khoá lại theo yêu cầu của P, mục đích không để cho anh T4 bỏ chạy ra ngoài. Tại gian phòng khách nhà trọ của P, B tiếp tục dùng tay, chân đánh vào vùng mặt, đầu của anh T4, dồn anh T4 vào góc tường bên trái của gian phòng khách; P dùng tay tát vào vùng mặt của anh T4 02 cái; Tuấn A dùng vỏ bao cưa bằng nhựa đập 01-02 cái vào vùng đầu của anh T4, dùng ghế nhựa ném về phía anh T4, còn B1 dùng chân đá một số cái vào người anh T4, dùng ghế nhựa ném về phía người anh T4. Vừa đánh, B và P vừa tra hỏi anh T4 về việc dụ dỗ chị T3 đi làm nhân viên quán hát Karaoke cho anh T4 tại huyện V. Sau đó, B lấy chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Pro, vỏ màu gold của anh T4 và dùng chiếc điện thoại này đánh vào vùng mặt, đầu của anh T4, làm chiếc điện thoại rơi xuống nền gạch gian phòng khách, bị vỡ màn hình phía trước và vỏ phía sau. Quá trình bị B, P và các đối tượng còn lại đánh, anh T4 liên tục có lời nói xin lỗi, van xin B, P và các đối tượng để cho anh T4 về nhưng B, P và các đối tượng không đồng ý, tiếp tục giữ, đánh anh T4 tại gian phòng khách. Đến khoảng hơn 10 giờ 00 phút cùng ngày, khi Tổ công tác của Công an huyện T đến làm việc, kiểm tra thì anh T4 mới được các đối tượng cho về, sau đó đến Công an huyện T tố giác hành vi của các đối tượng.

Sau khi xảy ra sự việc, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, Bùi Trí P, Mai Tuấn A và Quách Văn Đ đã đến Công an huyện T đầu thú và

khai báo về hành vi phạm tội của bản thân. Riêng Nguyễn Hữu B bỏ trốn khỏi địa phương, đến ngày 10/6/2023, B đến Cơ quan CSĐT Công an huyện T đầu thú, khai báo về hành vi phạm tội của bản thân.

Ngay sau khi tiếp nhận nguồn tin về tội phạm, các cơ quan chức năng đã phối hợp, tiến hành khám nghiệm hiện trường, tạm giữ, niêm phong 01 chiếc ghế nhựa màu nâu đỏ, kích thước bề mặt ghế 19 x 19cm, có 04 chân ghế bằng nhựa, cao 15,5cm, có 01 chân ghế bị gãy vỡ; 01 điện thoại Iphone 11 Pro đã qua sử dụng, vỏ màu gold, bị vỡ màn hình phía trước và vỏ phía sau của anh Vũ Minh T4; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 13 Pro max đã qua sử dụng, vỏ màu xanh nhạt của Bùi Trí P. Khám xét khẩn cấp tại chỗ ở của Bùi Trí P, Cơ quan điều tra đã thu giữ 08 biển kiểm soát xe mô tô và 08 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy.

Tại biên bản xem xét dấu vết trên thân thể của Vũ Minh T4 hồi 12 giờ 30 phút ngày 08/3/2023 tại Công an huyện T xác định:

- Một vết thương rách da, chảy máu tại mặt trong môi dưới, kích thước 02 x 1,5cm;
- Một vết thương sưng nề tại vùng đầu bên trái, phía trên tai, kích thước 04 x 02cm;
- Một vết thương xây xước da, chảy máu, sưng nề tại đỉnh đầu bên trái, kích thước 03 x 03cm;

Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 463/2023/TTPY ngày 15/5/2023 của Trung tâm pháp y tỉnh Thanh Hóa kết luận: Tại thời điểm giám định pháp y về thương tích: tổng tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích gây nên đối với Vũ Minh T4 là: 01%. Sau khi có kết quả giám định pháp y về thương tích, gia đình các đối tượng gây thương tích và anh T4 đã thoả thuận, thống nhất với nhau về vấn đề bồi thường dân sự, anh T4 đã nhận đủ số tiền yêu cầu bồi thường và có đơn đề nghị Cơ quan điều tra không khởi tố vụ án hình sự đối với hành vi gây thương tích của các đối tượng đối với anh T4. Do không đủ căn cứ để khởi tố đối với Nguyễn Hữu B, Bùi Trí P và Mai Tuấn A về tội Cố ý gây thương tích nên Cơ quan CSĐT Công an huyện T đã chuyển hồ sơ đến Công an huyện T xử phạt vi phạm hành chính theo quy định.

Tại Kết luận định giá số 11/KL-HĐĐGTS ngày 23/3/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện T kết luận, tại thời điểm bị xâm hại, giá trị thiệt hại của tài sản bị hư hỏng là 4.167.000đ (bốn triệu một trăm sáu mươi bảy nghìn đồng). Cơ quan CSĐT Công an huyện T đã ban hành Quyết định bổ sung quyết định khởi tố vụ án hình sự và Quyết định bổ sung quyết định khởi tố bị can để điều tra, xử lý đối với Nguyễn Hữu B về tội Cố ý làm hư hỏng tài sản, theo quy định tại khoản 1 Điều 178 Bộ luật hình sự. Anh Vũ Minh T4 không yêu cầu Nguyễn Hữu B phải bồi thường phần thiệt hại về tài sản của chiếc điện thoại bị hư hỏng của anh T.

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã trưng cầu giám định, khôi phục dữ liệu chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 13 Pro max đã qua sử dụng, vỏ màu xanh nhạt, gắn số thuê bao 0359.466.666 đã thu giữ của Bùi Trí P, kết quả giám định cho thấy Bùi Trí P sử dụng chiếc điện thoại di động có gắn số thuê bao trên để nhận các tin nhắn của người mua số lô, số đề của người chơi, quy ước theo kết quả kỳ quay xổ số kiến thiết Miền Bắc hàng ngày. Trong đó, “số lô” là hai số cuối của 27 giải; “số đề” là hai số cuối của giải đặc biệt; “ba càng” là 03 số cuối của giải đặc biệt; “xiên đôi”, “xiên ba” là cặp hai số lô hoặc bộ ba số lô. Về cách thức chơi, cách tính thắng thua, các đối tượng mua số lô, số đề sẽ nhận tin cho P các số lô, số đề muốn đặt cược và số tiền, số điểm tương ứng với mỗi số, cặp số đã chọn. Trong đó, mỗi điểm lô sẽ được tính tương đương với số tiền 22.500 đồng, nếu trúng người chơi sẽ nhận được từ P số tiền tương ứng là 80.000 đồng mỗi điểm, còn nếu không trúng thì người chơi sẽ mất số tiền đã mua tương ứng cho P, các số đề trúng sẽ nhận được 70 lần số tiền đã mua từ P, nếu không trúng sẽ mất số tiền đã mua cho P. Sau khi nhận mua số lô, số đề từ những người chơi nhắn đến, P không chuyển cho ai khác mà tự giữ lại để tính thắng thua với người chơi.

Với cách thức đánh bạc nêu trên, quá trình điều tra xác định, Bùi Trí P đã có 03 lần đánh bạc, được thua bằng tiền có số tiền thắng thua mỗi lần từ 5.000.000 đồng trở lên với Bùi Trí T, sinh năm 1998, cùng trú tại thôn 6, xã L, huyện T, cụ thể như sau:

- Lần thứ nhất, vào ngày 02/01/2023, T mua số lô 44, 45 mỗi số 50 điểm, tương ứng với số tiền 2.250.000 đồng, kết quả T trúng số lô 45 và nhận lại từ P số tiền 4.000.000 đồng, số tiền đánh bạc của P và T lần này là 6.250.000 đồng;

- Lần thứ hai, vào ngày 07/01/2023, T mua số lô 75, 76 mỗi số 50 điểm, tương ứng với số tiền 2.250.000 đồng, kết quả T trúng số lô 75 và nhận lại từ P số tiền 4.000.000 đồng, số tiền đánh bạc của P và T lần này là 6.250.000 đồng;

- Lần thứ ba, vào ngày 11/01/2023, T mua số lô 10, 48 mỗi số 100 điểm, xiên ba (01-10-88) số tiền 500.000 đồng, số đề 11 số tiền 150.000 đồng, tổng số tiền đã mua là 5.200.000 đồng, kết quả T trúng số lô 10 hai vòng và nhận lại từ P số tiền 16.000.000 đồng, số tiền đánh bạc của P và T lần này là 21.200.000 đồng;

Ngoài ra, Bùi Trí P còn có 20 lần khác đánh bạc được thua bằng tiền dưới hình thức nhận tin nhắn mua số lô, số đề của Bùi Trí T, Bùi Trí A1, Phạm Văn Đ1 nhưng số tiền đánh bạc mỗi lần dưới 5.000.000 đồng. Các lần mua bán số lô, số đề giữa Bùi Trí P với Bùi Trí T và những người người còn lại đều đã thực hiện xong việc thanh toán tiền mua, bán, thắng thua.

Kết quả giám định, khôi phục dữ liệu đối với điện thoại di động của Bùi Trí T, Bùi Trí A1 và Phạm Văn Đ1 phù hợp với thông tin về các lần đánh bạc với Bùi Trí P. Trên cơ sở kết quả điều tra, Cơ quan CSĐT Công an huyện T đã ban hành Quyết định bổ sung quyết định khởi tố vụ án, Quyết định bổ sung quyết định khởi tố bị can đối với Bùi Trí P, Quyết định khởi tố bị can đối với Bùi Trí T để điều tra, xử lý về

hành vi đánh bạc của Bùi Trí P, Bùi Trí T theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự. Đồng thời, chuyển hồ sơ đề nghị cơ quan có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi đánh bạc dưới hình thức mua, bán số lô, số đề của Bùi Trí P, Bùi Trí A1 và Phạm Văn Đ1 theo quy định. Đối với hành vi đánh bạc dưới hình thức ghi số lô, số đề với một số người khác của Phạm Văn Đ1, Cơ quan CSĐT Công an huyện T đã tách hồ sơ để khởi tố, điều tra trong một vụ án khác.

Đối với 08 biển kiểm soát xe mô tô và 08 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy đã thu giữ tại nhà ở của Bùi Trí P: Tại bản kết luận giám định số 2643/KL-KTHS, ngày 28/4/2023 của Viện Khoa học hình sự - Bộ Công an xác định 08 biển kiểm soát xe mô tô và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô gửi giám định là giả. Quá trình điều tra xác định, bản thân P trước đó làm nghề sửa chữa xe mô tô, các biển kiểm soát, giấy chứng nhận đăng ký xe giả trên là do khách hàng mang đến nhờ P bọc viền, sửa xe để lại, P không làm hoặc sử dụng các biển kiểm soát hoặc giấy chứng nhận đăng ký xe trên, các khách hàng trên đều là khách vắng lai, P không nhớ các biển kiểm soát, giấy chứng nhận đăng ký xe đó là của ai. Do đó, chưa đủ căn cứ để xử lý Bùi Trí P và những người khác về hành vi làm, sử dụng tài liệu, giấy tờ giả của cơ quan, tổ chức, Cơ quan CSĐT Công an huyện T đã tách hồ sơ để tiếp tục xác minh, xử lý sang một vụ việc khác theo quy định.

Quá trình điều tra xác định, tại thời điểm bị các đối tượng bắt, giữ trái pháp luật, anh Vũ Minh T4 mới 17 năm 2 tháng 17 ngày tuổi, nên hành vi của các bị cáo thuộc trường hợp “phạm tội với người dưới 18 tuổi”, theo quy định tại khoản 2 Điều 157 Bộ luật hình sự. Trong vụ án này, mặc dù Quách Văn Đ không tham gia bắt, giữ anh Vũ Minh T4 cùng các đối tượng còn lại, tuy nhiên Đ trực tiếp quan sát và nhận thức rõ việc các đối tượng túm kéo, giữ anh T4 từ bên ngoài vào trong phòng khách, chửi bới, đánh đập, không cho anh T4 đi về, Đ là người đóng cửa để ngăn cản anh T4 không bỏ chạy ra ngoài, cũng là người mở cửa để Nguyễn Hữu B, Mai Tuấn A và Trịnh Gia B1 đi vào bên trong nhà, sau đó thực hiện hành vi bắt, giữ, đánh gây thương tích cho anh T4. Do đó, Quách Văn Đ là đồng phạm giúp sức và cùng phải chịu trách nhiệm hình sự về tội bắt, giữ người trái pháp luật như các bị cáo khác.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 86/2023/HS-ST ngày 27/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Thanh Hóa quyết định:

Tuyên bố: Bị cáo Bùi Trí P phạm tội “Bắt, giữ người trái pháp luật” và tội “Đánh bạc”; bị cáo Mai Tuấn A và bị cáo Quách Văn Đ phạm tội “Bắt, giữ người trái pháp luật”; bị cáo Nguyễn Hữu B phạm tội “Bắt, giữ người trái pháp luật” và tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản”; bị cáo Bùi Trí T phạm tội “Đánh bạc”.

Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 157; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự (BLHS), xử phạt bị cáo Bùi Trí P 26 (Hai mươi sáu) tháng tù về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật”. Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 BLHS, xử phạt bị cáo Bùi Trí P 08 (Tám) tháng tù về tội “Đánh bạc”. Áp dụng

Điều 55 BLHS, tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Bùi Trí P phải chấp hành hình phạt chung là 34 (Ba mươi tư) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị tạm giữ ngày 08/3/2023.

Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 157; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 17; Điều 58 BLHS, xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu B 27 (Hai mươi bảy) tháng tù về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật”. Áp dụng khoản 1 Điều 178; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 BLHS, xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu B 08 (Tám) tháng tù về tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản”. Áp dụng Điều 55 BLHS, tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Nguyễn Hữu B phải chấp hành hình phạt chung là 35 (Ba mươi lăm) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt tạm giam ngày 10/6/2023.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 BLHS, xử phạt bị cáo Bùi Trí T 07 (Bảy) tháng tù về tội “Đánh bạc”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày đi thi hành án. Được trừ đi thời gian đã bị tạm giữ từ ngày 27/3/2023 đến ngày 04/04/2023 vào thời gian chấp hành án.

Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 157; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65; Điều 17; Điều 58 BLHS, xử phạt bị cáo Mai Tuấn A 25 (Hai mươi lăm) tháng tù, cho hưởng án treo thời gian thử thách là 50 (Năm mươi) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 157; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65; Điều 17; Điều 58 BLHS, xử phạt bị cáo Quách Văn Đ 24 (Hai mươi bốn) tháng tù, cho hưởng án treo thời gian thử thách là 48 (Bốn mươi tám) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Áp dụng khoản 4 Điều 328 Bộ luật tố tụng hình sự trả tự do ngay tại phiên tòa cho bị cáo Quách Văn Đ.

Giao bị cáo Quách Văn Đ cho Ủy ban nhân dân xã L, huyện T, tỉnh Thanh Hóa giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Giao bị cáo Mai Tuấn A cho Ủy ban nhân dân thị trấn K, huyện T, tỉnh Thanh Hóa giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về biện pháp thi hành án treo, xử lý vật chứng, truy thu tiền nộp ngân sách nhà nước, án phí, quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 29/9/2023, bị cáo Bùi Trí T nộp đơn kháng cáo với nội dung xin được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Bùi Trí T giữ nguyên nội dung kháng cáo. Bị cáo xuất trình cho HĐXX đơn trình bày hoàn cảnh gia đình khó khăn, phiếu thu tiền về việc bị cáo đã nộp 500.000 đồng ủng hộ quỹ “Vì người nghèo” của xã L và biên lai thu tiền thể hiện bị cáo đã nộp số tiền 10.200.000 đồng tại Chi cục Thi

hành án dân sự huyện T để nộp một phần số tiền truy thu và án phí hình sự sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Tại giai đoạn phúc thẩm bị cáo Bùi Trí T xuất trình thêm đơn trình bày hoàn cảnh gia đình khó khăn, do bố đã chết, bản thân đang trực tiếp nuôi mẹ già, một phiếu thu tiền về việc bị cáo đã nộp 500.000 đồng ủng hộ quỹ “Vì người nghèo” của xã L và biên lai thu tiền thể hiện bị cáo đã nộp số tiền 10.200.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T để nộp một phần số tiền truy thu và án phí hình sự sơ thẩm. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS, nên đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự: Chấp nhận kháng cáo của bị cáo, sửa bản án sơ thẩm, giữ nguyên mức hình phạt tù và cho bị cáo được hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách đối với bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bị cáo Bùi Trí T làm theo đúng quy định tại Điều 332, 333 Bộ luật tố tụng hình sự (BLTTHS), trong thời hạn luật định nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của bị cáo: Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo khai nhận:

Do hoàn cảnh gia đình khó khăn, không có việc làm ổn định, bị bạn bè rủ rê nên bị cáo đã tham gia đánh bạc nhiều lần dưới hình thức lô đề, được thua bằng tiền với Bùi Trí P, trong đó có 03 lần số tiền đánh bạc trên 5.000.000 đồng vào các ngày 02/01/2023, 07/01/2023 và 11/01/2023 như nội dung bản án sơ thẩm. Tổng số tiền đánh bạc 03 lần là 34.700.000 đồng.

Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai trong giai đoạn điều tra, phù hợp với lời khai của bị cáo khác cùng tham gia đánh bạc và các tài liệu khác được thu thập có trong hồ sơ vụ án.

Với các hành vi trên, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên bố bị cáo Bùi Trí P phạm tội “Bắt, giữ người trái pháp luật” và tội “Đánh bạc” theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 157 và khoản 1 Điều 321 BLHS, bị cáo Mai Tuấn A và bị cáo Quách Văn Đ phạm tội “Bắt, giữ người trái pháp luật” theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 157 BLHS, bị cáo Nguyễn Hữu B phạm tội “Bắt, giữ người trái pháp luật” và tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản” theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 157 và khoản 1 Điều 178 BLHS, bị cáo Bùi Trí T phạm tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 BLHS là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm

hành sự của bị cáo Bùi Trí T để quyết định mức hình phạt 07(bảy) tháng tù đối với bị cáo Thìn là phù hợp với quy định của pháp luật.

Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo T xuất trình thêm đơn trình bày hoàn cảnh gia đình khó khăn, được chính quyền địa phương xác nhận, một phiếu thu tiền về việc bị cáo đã nộp 500.000 đồng ủng hộ quỹ “Vì người nghèo” của xã L và biên lai thu tiền thể hiện bị cáo đã nộp số tiền 10.200.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T để nộp một phần số tiền truy thu và án phí hình sự sơ thẩm. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS.

Xét thấy: Bị cáo tuy có một tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS là phạm tội 02 lần trở lên, nhưng các lần phạm tội đều là tội phạm ít nghiêm trọng. Bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS là thành khẩn khai báo, đầu thú, tham gia ủng hộ quỹ vì người nghèo của xã, gia đình bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, bố đã chết, bản thân bị cáo đang phải trực tiếp nuôi mẹ già, bị cáo đã nộp một phần số tiền bị truy thu và án phí hình sự sơ thẩm trong vụ án, nên không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội, mà cho bị cáo được cải tạo tại địa phương, dưới sự giám sát, giáo dục của gia đình và chính quyền địa phương cũng đủ điều kiện để cải tạo bị cáo trở thành người công dân tốt cho xã hội. Do đó, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa là có căn cứ, HĐXX chấp nhận kháng cáo của bị cáo, sửa bản án sơ thẩm, giữ nguyên mức hình phạt tù và cho bị cáo được hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách đối với bị cáo, thể hiện chính sách khoan hồng của Nhà nước đối với người phạm tội.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị HĐXX không xem xét và có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận nên bị cáo Bùi Trí T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật tố tụng hình sự; điểm d khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Bùi Trí T, sửa bản án hình sự sơ thẩm số 86/2023/HS-ST ngày 27/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Thanh Hóa như sau:

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 BLHS:

- Tuyên bố: Bị cáo Bùi Trí T phạm tội “Đánh bạc”.

- Xử phạt: Bị cáo Bùi Trí T **07**(bảy) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách là **14**(mười bốn) tháng, kể từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Bùi Trí T cho Ủy ban nhân dân xã L, huyện T, tỉnh Thanh Hóa giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú hoặc nơi làm việc thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 BLHS.

- Về số tiền truy thu: Ghi nhận bị cáo Bùi Trí T đã tự nguyện nộp số tiền phải truy thu là 10.000.000đ (*Mười triệu đồng*) theo biên lai thu tiền số AA/2022/0001092 ngày 28/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, bị cáo còn phải nộp số tiền truy thu là 14.000.000đ (*Mười bốn triệu đồng*) để nộp vào ngân sách nhà nước.

2. Về án phí:

- Án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Bùi Trí T không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

- Án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Bùi Trí T phải nộp 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm. Ghi nhận bị cáo đã nộp số tiền 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm theo biên lai thu tiền số AA/2022/0001092 ngày 28/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, bị cáo T đã nộp đủ án phí hình sự sơ thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện T;
- TAND huyện T;
- CQ CSĐT Công an huyện T;
- CQ THAHS Công an huyện T;
- Chi cục THADS huyện T
- Bị cáo;
- Tổ HC-TP;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Nam Tiến

